

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐỀ TÀI:

Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc và
quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước
Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Giảng viên hướng dẫn : Nguyễn Thế Hùng

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp : 201PLT09A03

Mã sinh viên : 22A4040051

Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 2021

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
Chương 1: Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin.....	5
1.1, Hoàn cảnh ra đời	5
1.1.1, Tình hình thế giới.....	5
1.1.2, Tình hình nước Nga	5
1.2, Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin	7
1.2.1, Khái niệm	7
1.2.2, Nội dung của “Cương lĩnh dân tộc”.....	7
Chương 2: Quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	10
2.1, Quan điểm chính sách dân tộc của Đảng	10
2.2, Vấn đề dân tộc thực tiễn và cách giải quyết của Đảng.	14
Chương 3: Những nhận thức về vai trò của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách dân tộc.	16
Chương 4: Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay	16
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

LỜI MỞ ĐẦU

Vấn đề dân tộc là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa và hiện nay cũng đang là một vấn đề thực tiễn nóng bỏng. Hàng ngày, hàng giờ qua các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta luôn được nghe, được thấy các cuộc chiến tranh giữa các dân tộc, sắc tộc. Ngoài ra, do trình độ quốc tế hóa, đời sống tăng lên làm cho xu hướng xích lại gần nhau giữa các dân tộc ngày càng mạnh mẽ. Để giải quyết tốt các vấn đề dân tộc, cần hiểu rõ vấn đề dân tộc và mối quan hệ giữa các dân tộc cần được giải quyết ra sao, qua đó xác định được tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề dân tộc, xác định xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc và từ đó đề ra phương hướng giải quyết tốt nhất, triệt để nhất. Điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở nghiên cứu và vận dụng các quan điểm khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc an hem, trong đó người Kinh là dân tộc đa số. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu sống ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới là những vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Đảng và nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo vùng dân tộc và miền núi. Trong đó nhiều chính sách đi vào cuộc sống, diện mạo kinh tế các địa phương miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc từng bước phát triển, văn hóa các dân tộc luôn được coi trọng, mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng được tăng cường. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ qua, đời sống một bộ phận không nhỏ các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Điều đó không chỉ gây nên sự phát triển kinh tế không đồng đều mà còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định chính trị xã hội, nhất là khi bị các thế lực thù địch lợi dụng.

Nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, chúng ta thấy việc nghiên cứu vấn đề dân tộc là cần thiết đáp ứng yêu cầu thực tiễn và có ý nghĩa lý luận sâu sắc.

1, Mục tiêu đề tài.

Nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Rèn luyện tư duy và năng lực vận dụng những nội dung trên vào thực tiễn. Nhận thức được tính khoa học trong quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mac-Lênin. Từ đó xác định trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước.

2, Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin và những vai trò đã đạt được từ khi ra đời năm 1919 đến nay. Đồng thời nghiên cứu, và tìm hiểu các quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 1: Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin

1.1, Hoàn cảnh ra đời

1.1.1, Tình hình thế giới

Đầu thế kỷ XX là thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa đế quốc xâm lược thuộc địa, vấn đề dân tộc thuộc địa trở thành vấn đề quốc tế. Vấn đề giải phóng dân tộc giành độc lập tự do không còn là nhiệm vụ giai cấp tư sản mà giai cấp công nhân phải chủ động lãnh đạo (cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới) nắm lấy ngọn cờ giải phóng dân tộc làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, gắn cách mạng giải phóng dân tộc với chủ nghĩa vô sản.

Năm 1895 Ph. Angghen từ trần quốc tế 2 bị phân hóa thành nhiều phe phái: phái cơ hội, phái trung lập và quốc tế 3 do Lê-nin đứng đầu. Những năm đầu của thế kỷ XX nhiều đảng cộng sản đã bị bọn cơ hội lung loạn làm cho đảng mất tính độc lập, rời bỏ nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc nhiều nghị sĩ quốc hội là những người cộng sản đã bỏ phiếu đồng ý giai cấp tư sản gây chiến tranh xâm lược.

Chủ nghĩa đế quốc đang tiến hành cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đây là cuộc chiến tranh tàn sát, cướp bóc dân tộc, muốn sử dụng chủ nghĩa dân tộc để dọn đường cho chiến tranh, kích động dân tộc lớn thôn tính áp bức dân tộc nhỏ. Những người cơ hội của đế quốc hai đã phản bội lại quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bỏ phiếu tán thành chi ngân sách cho chiến tranh trong quốc hội ở các nước.

1.1.2, Tình hình nước Nga

Đế quốc Nga sa hoàng là nhà tù của các dân tộc, thống trị tàn bạo. Đồng hóa dân tộc, thủ tiêu kích động dân tộc chống lại nhau, đặt ách áp bức dân tộc nặng nề hơn, các dân tộc không được quyền quyết định vận mệnh của mình.

Ở Nga lúc này có khuynh hướng dân tộc tư sản (giai cấp tư sản liên kết với giai cấp phong kiến có tư tưởng đại Nga áp bức dân Nga) gây chia rẽ

phong trào cách mạng các dân tộc ở Nga. Mặt khác, trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa ở các dân tộc không phải “Đại Nga” đã dao động về tư tưởng theo đuổi cách mạng tư sản.

Tình hình thế giới và trong nước thay đổi, Lênin đã chỉ ra nhiệm vụ của đảng Bolshevik phải chống lại chủ nghĩa dân tộc Đại Nga, mặt khác khắc phục thiên kiến hẹp hòi về vấn đề dân tộc. Lúc này nước Nga đang đứng trước một cuộc cách mạng lớn, đòi hỏi đảng cần phải tổ chức chặt chẽ, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương. Vì vậy đảng Bolshevik cần phải có cương lĩnh về vấn đề dân tộc. Tác phẩm “Về quyền dân tộc tự quyết” ra đời đáp ứng yêu cầu lý luận và thực tiễn. Tác phẩm ra đời nhằm chống lại những quan điểm của chủ nghĩa cơ hội định hướng cho phong trào cộng sản và phong trào quốc tế, chống lại những quan điểm của Menshevik, giải quyết hai nhiệm vụ song song là định hướng cho phong trào công nhân ở Nga, chống lại những quan điểm phi Mác xít, uốn nắn tư tưởng cho các đồng chí của mình, giải quyết vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa. Cương lĩnh dân tộc của Lênin được trình bày trong tác phẩm “Về quyền dân tộc tự quyết”. Tác phẩm viết năm 1914 nhằm chống lại chủ nghĩa cơ hội, củng cố tư tưởng trong đảng, chuẩn bị cho chính quyền bước vào một giai đoạn mới.

Cương lĩnh dân tộc do Lênin soạn thảo được ban chấp hành trung ương đảng công nhân dân chủ xã hội Nga (về sau đổi tên thành Đảng cộng sản Nga) thông qua. Từ khi quốc tế III – quốc tế cộng sản do V.I.Lênin thành lập (1919), tổ chức quốc tế coi đây là cương lĩnh chung của chủ nghĩa Mác Lênin, của phong trào cộng sản quốc tế.

Quan điểm của Lênin về vấn đề dân tộc có ý nghĩa to lớn ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp thoát khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc. Đó cũng là những quan điểm chỉ đạo giúp cho các đảng cộng sản khi xây dựng cương lĩnh có quan điểm đúng đắn trong giải quyết vấn đề dân tộc. Nhiệm vụ của các đảng cộng sản phải đấu tranh chống sự thống trị của giai cấp tư sản nước mình và các nước, ủng hộ và phát triển cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc ở các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

1.2, Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin

1.2.1, Khái niệm

Khái niệm dân tộc được dùng với hai nghĩa:

Thứ nhất, khái niệm dân tộc được hiểu theo nghĩa tộc người, dùng để chỉ cộng đồng người cụ thể nào đó có những mối liên hệ chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ chung của cộng đồng và trong sinh hoạt văn hóa có những nét đặc thù so với những cộng đồng khác, xuất hiện sau cộng đồng, bộ lạc, có kế thừa và phát triển hơn những nhân tố tộc người ở cộng đồng bộ lạc và thể hiện thành ý thức tự giác của các thành viên trong cộng đồng đó.

Thứ hai, khái niệm dân tộc được hiểu theo nghĩa dân tộc – quốc gia, dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Như vậy, nếu theo nghĩa thứ nhất dân tộc là một bộ phận của quốc gia, còn theo nghĩa thứ hai thì dân tộc là toàn bộ nhân dân một nước, là quốc gia dân tộc. Với nghĩa như vậy, khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia có sự gắn bó chặt chẽ với nhau, dân tộc bao giờ cũng ra đời trong một quốc gia nhất định.

1.2.2, Nội dung của “Cương lĩnh dân tộc”

Khi nghiên cứu về vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, Lênin đã phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong phong trào dân tộc. Một là, xu hướng phân lập do sự thức tỉnh trưởng thành của ý thức dân tộc mà các cộng đồng dân cư muốn tách ra thành lập quốc gia dân tộc độc lập. Hai là, xu hướng liên hiệp giữa các dân tộc lại với nhau, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ. Dựa trên phân tích hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc và dựa trên sự tổng kết kinh nghiệm phong

trào cách mạng thế giới trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. Lênin đã đưa ra Cương lĩnh dân tộc với 3 vấn đề chính bao gồm:

Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng. Quyền bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của các dân tộc trong mối quan hệ giữa các dân tộc, là quyền của tất cả các dân tộc được hưởng những điều kiện và những khả năng như nhau đối với việc tự do phát triển các năng lực và thỏa mãn nhu cầu của mình, có địa vị như nhau đối với tất cả các dân tộc. Theo Lênin bình đẳng dân tộc thực chất là xóa bỏ tình trạng người bóc lột người để từ đó xóa bỏ tình trạng dân tộc này có đặc quyền, đặc lợi so với dân tộc khác, dân tộc này đi áp bức dân tộc khác. Chính vì thế Lênin đã xem bình đẳng dân tộc là một nguyên tắc quan trọng không thể thiếu trong cương lĩnh cách mạng nhằm thực hiện bình đẳng xã hội. Trong các quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ như nhau, khắc phục chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc bao gồm tất cả các lĩnh vực trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đây là cơ sở pháp lý chung giải quyết các quan hệ dân tộc trên thế giới, trong khu vực hay trong một quốc gia. Điều đó được công pháp quốc tế và pháp luật quốc gia ghi nhận. Bình đẳng giữa các dân tộc cũng chính là kết quả đấu tranh của nhân dân lao động các nước trên thế giới. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các dân tộc.

Hai là, dân tộc có quyền tự quyết. Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình: quyền tự quyết định chế độ chính trị xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình, quyền tự do độc lập về chính trị, quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi giữ vững độc lập chủ quyền và có thêm những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia dân tộc. Theo Lênin: “Quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập chính trị, có quyền tự do

phân lập về mặt chính trị khỏi dân tộc áp bức họ”. Tuy nhiên, các dân tộc có quyền tự quyết không phải là các dân tộc tách ra mà chính là để các dân tộc xích lại với nhau trong quốc gia xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của khẩu hiệu là ở chỗ, nó gạt bỏ tất cả mọi sự nghi ngờ về mưu đồ xâm lăng của dân tộc này với dân tộc khác và nhằm chuẩn bị cho các dân tộc tiến đến sự liên minh tự nguyện vào một quốc gia xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều dân tộc.

Ba là, liên hiệp công nhân các dân tộc lại. Liên hiệp công nhân các dân tộc lại là sự đoàn kết thống nhất giai cấp công nhân tất cả các dân tộc trên cơ sở có cùng địa vị kinh tế - xã hội, có sự thống nhất về lợi ích giai cấp, có cùng sứ mệnh lịch sử... Đây là tư tưởng cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của Lênin nó phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp. Nó đảm bảo cho dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi. Nó quy định mục tiêu hướng tới, quy định đường lối, phương pháp xem xét cách giải quyết quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng dân tộc, đồng thời nó là yếu tố sức mạnh bảo đảm cho giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức chiến thắng kẻ thù của mình. Đây là cơ sở vững chắc để đoàn kết nhân dân lao động trong các dân tộc để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập và tiến bộ xã hội.

Lênin khẳng định: Việc giải phóng khỏi ách tư bản việc xây dựng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa là nhiệm vụ quốc tế của tất cả những người vô sản, của tất cả nhân dân lao động các nước. Liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc chính là điều kiện giải quyết tốt các quan hệ dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết trên thực tế. Vì vậy nội dung liên hiệp công nhân các dân tộc đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của cương lĩnh thành một chỉnh thể.

Cả ba nội dung trên đều quan trọng, khi vận dụng cần sáng tạo không được xem nhẹ vấn đề nào. Thực tiễn cách mạng trên thế giới trong thời gian qua đã chứng minh được tính đúng đắn, khoa học cách mạng của Cương lĩnh. Đặc biệt hiện nay, vấn đề dân tộc đang diễn ra vô cùng phức tạp. Những xung đột

dân tộc, tộc người, những mưu đồ đồng hóa dân tộc vẫn tiếp tục tồn tại ở nhiều sắc thái tinh vi, nhiều quốc gia, khu vực do nhiều nguyên nhân: chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, sự can thiệp của các nước tư bản đến quốc vì lợi ích của chúng... Từ đó chúng ta thấy được dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong mỗi quốc gia và trên thế giới là những vấn đề quan trọng và rất nhạy cảm. Chủ nghĩa tư bản với bản chất áp bức, bóc lột và bất công không giải quyết được vấn đề dân tộc và không thể đưa các dân tộc đến một xã hội bình đẳng, hữu nghị và hợp tác. Con đường để giải quyết vấn đề dân tộc trên thế giới chỉ có thể tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin.

Chương 2: Quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2.1, Quan điểm chính sách dân tộc của Đảng

Trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc biệt là vận dụng Cương lĩnh dân tộc của Lênin đồng thời xuất phát từ thực tiễn lịch sử đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta ngay từ khi thành lập đã xem vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc có tầm quan trọng hàng đầu.

Việt Nam là một quốc gia độc lập, một quốc gia đa sắc tộc, với 54 dân tộc anh em cùng sống trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó dân tộc Kinh chiếm khoảng 87% trong tổng số dân cả nước. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu sống tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới là địa bàn quan trọng, có vị trí chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng. Hơn nữa trình độ phát triển về văn hóa xã hội giữa các dân tộc có sự chênh lệch nhau rất lớn và đời sống kinh tế từng vùng cũng khác nhau rất xa, từ đó dẫn đến đời sống văn hóa, xã hội, chính trị ... có sự cách biệt. Mặc dù vậy, người Việt Nam vẫn sớm đoàn kết lại, hợp thành sức mạnh để chống đỡ, khắc phục thiên nhiên và chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập quốc gia, chủ quyền dân tộc. Đây là đặc điểm bao trùm, nổi bật của dân tộc Việt Nam.

Tính đan xen giữa các tộc người khác nhau đã tạo nên nét văn hóa đa dạng, phong phú trong lối sống, phong tục tập quán của người Việt Nam ta.

Do những đặc điểm trên, nên các dân tộc Việt Nam có sự hợp tác, gắn bó nhau trong một cộng đồng dân tộc, trong một Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Song từ xưa đến nay, vấn đề dân tộc luôn là vấn đề rộng lớn, phức tạp và lâu dài, cần phải xem xét nó như là vấn đề chính trị, xã hội rộng lớn, toàn diện gắn liền với mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn xem vấn đề dân tộc là vấn đề quan trọng có tính chiến lược, là yếu tố phát huy sức mạnh tổng hợp, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần dân tộc trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong thời kỳ đổi mới hiện nay trên tinh thần “đại đoàn kết dân tộc”.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta xác định mục tiêu: nhằm khai thác mọi tiềm năng thế mạnh của các dân tộc và của đất nước để phục vụ đời sống nhân dân các dân tộc, thực hiện từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch, miền núi và miền xuôi, xóa đói giảm nghèo, thực hiện sự nghiệp “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Về nguyên tắc: chính sách dân tộc xác định 3 nguyên tắc cơ bản: bình đẳng, đoàn kết và tôn trọng giúp nhau cùng phát triển.

- Về nội dung: Chính sách dân tộc hiện nay phản ánh các yêu cầu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh – quốc phòng.

- Nội dung chính trị: thực hiện chủ trương của Đảng về bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc về tầm quan trọng của vấn đề bình đẳng dân tộc, đoàn kết các dân tộc;

thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Nội dung kinh tế cơ bản: phát triển kinh tế miền núi; thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới cơ cấu kinh tế, thực hiện định canh, định cư, giao đất, giao rừng, phát triển kinh tế trang trại,...

- Nội dung văn hóa cơ bản: xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; giữ gìn và phát huy truyền thống của các tộc người, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào các dân tộc. Chăm lo đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới,...

- Nội dung xã hội cơ bản trong chính sách dân tộc là đảm bảo an sinh xã hội vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng và công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo; phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- Nội dung quốc phòng – an ninh trong chính sách dân tộc là đảm bảo ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt ở những vùng tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động nắm chắc tình hình địa phương, phát hiện và xử lý kịp thời những mâu thuẫn trong dân theo đúng pháp luật, không để các thế lực thù địch lợi dụng kích động.

Trên con đường đi tìm con đường giải phóng dân tộc để giành lại độc lập cho đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã đề ra cương lĩnh, đường lối, kết hợp nhuần nhuyễn đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc. Ý tưởng đổi mới của

Đảng Cộng sản Việt Nam hình thành từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX và trở thành đường lối đổi mới mà đại hội Đảng lần thứ VI (12-1986) đã đề ra. Bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội cho sát hợp với thực tiễn của Việt Nam. Đường lối đổi mới là sản phẩm của tư duy lý luận đúng đắn, nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, nhất là các quy luật kinh tế của thời kỳ quá độ, là sản phẩm của quá trình khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn

Từ cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta, qua các thời kỳ cách mạng và ngày nay xây dựng đất nước đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nội dung chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước xác định: Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc. Nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là ra sức tăng cường khối đoàn kết không gì lay chuyển nổi giữa các dân tộc trong cả nước, phát huy tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, đưa miền núi phát triển toàn diện làm cho tất cả các dân tộc tiến bộ, cùng có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, cùng làm chủ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chẳng thế mà các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, VI đã đặt ra vấn đề đổi mới việc thực hiện chính sách dân tộc, được cụ thể hóa tại Nghị quyết 22/NQTW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị và Quyết định 72/HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng đề ra những chủ trương chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Các chương trình 135, chương trình Xóa đói giảm nghèo, các chương trình điện, đường, trường, trạm để phát triển giao thông giữa các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa thuận lợi hơn, đưa điện lưới quốc gia về tận các vùng đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho con em và đồng bào dân tộc được khám chữa bệnh và đến

trường... Hơn nữa còn đặc biệt chú trọng nâng cao trình độ dân trí, phát triển văn hóa, tư tưởng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc. Tôn trọng phong tục, tập quán, tín ngưỡng, truyền thống và bản sắc văn hóa các dân tộc. Thực hiện dân chủ hoá xã hội giữa các vùng dân tộc. Tránh mọi biểu hiện chủ quan duy ý chí, áp đặt một cách quan liêu mệnh lệnh làm mất khả năng sáng tạo của quần chúng các dân tộc.

Trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, nêu lên chính sách dân tộc thời kỳ 1996-2000... “ Vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược lớn. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta còn có chính sách đối ngoại về vấn đề dân tộc. Với nội dung tư tưởng là: Việt Nam sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước trên thế giới, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực, cả song phương, đa phương, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền và cùng có lợi. Đặc biệt, Việt Nam tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực trên tinh thần láng giềng thân thiện, cởi mở. Tham gia tích cực vào tổ chức ASEAN, tôn trọng chủ quyền, không can thiệp vào nội bộ của nhau trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi.

2.2, Vấn đề dân tộc thực tiễn và cách giải quyết của Đảng.

Ở Việt Nam, những năm gần đây các thế lực thù địch cũng lợi dụng những vấn đề dân tộc, những khó khăn trong đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số kích động bạo loạn, ly khai, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Tiêu biểu là cuộc bạo loạn ở Tây Nguyên vào tháng 4/2004. Tây Nguyên gồm 5 đơn vị hành chính cấp tỉnh, có đường biên giới với Lào và Cam-pu-chia, trên địa bàn có nhiều dân tộc cùng sinh sống trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 33%. Địa bàn Tây Nguyên có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng và an ninh trong sự nghiệp xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc, là một trong những trọng điểm các thế lực thù địch tập trung chống phá. Các tỉnh Tây Nguyên có gần 1,8 triệu tín đồ tôn giáo. Cơ bản các tổ chức, tín đồ tôn giáo trên địa bàn hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Tuy nhiên, một số tổ chức đội lốt tôn giáo, lén lút hoạt động, gây phức tạp đời sống xã hội. Chúng tuyên truyền, lôi kéo, kích động, đồng bào các dân tộc đòi ly khai, tự trị, thành lập cái gọi là “Nhà nước Đê-ga” hoặc “Nhà nước Đê-ga Mông-ta-na” ở Đông Dương, tách Tây Nguyên khỏi đại gia đình các dân tộc và lãnh thổ Việt Nam, biến địa bàn Tây Nguyên thành khu vực mất ổn định, vùng “tự trị”, tiến tới thành lập “nhà nước độc lập” tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số ở những khu vực khác hình thành nhiều “điểm nóng xung đột”, tạo cơ sở để chúng can thiệp, hòng làm mất ổn định chính trị, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng đã tiến hành nhiều thủ đoạn chống phá rất thâm độc và xảo quyệt, vừa công khai, vừa bí mật, cả trực tiếp và gián tiếp. Chúng vu cáo xuyên tạc, bóp méo tình hình dân tộc, tôn giáo, dân chủ, dân quyền ở nước ta để tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, nhất là đạo “Tin lành Đê-ga” nhằm “tôn giáo hóa” các vùng dân tộc. Lợi dụng hoạt động từ thiện, nhân đạo, đầu tư phát triển kinh tế xâm nhập vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuyên truyền, xây dựng lực lượng hỗ trợ, chỉ đạo các hoạt động chống phá, gây mất ổn định tạo cơ sở can thiệp. Tuyên truyền, xuyên tạc những vấn đề lịch sử để lại để chia rẽ đồng bào các dân tộc thiểu số với người Kinh.

Bằng nhiều biện pháp nghiệp vụ cộng với cách dân vận khôn khéo, chúng ta đã khéo léo ngăn bà con đi biểu tình bằng xe công nông, máy cày máy kéo... để bà con dừng lại xuống đi bộ, tránh ách tách giao thông. Sau khi sự việc vẫn hồi, chính quyền lại mời bà con lên nhận xe mang về, xe nào hư hỏng nặng cũng được chính quyền sửa chữa chu đáo. Một cách giải quyết

đầy sức nhân văn, có lý có tình tạo niềm tin của dân vào Đảng và nhà nước, không để các thế lực xấu lợi dụng lôi kéo.

Chương 3: Những nhận thức về vai trò của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc có ý nghĩa chiến lược xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Đảng ta luôn quan tâm phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Để chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước phù hợp với thực tiễn, hợp với lòng dân, văn kiện đại hội XII của Đảng đã đặt ra “Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và giám sát của nhân dân”.

Với vai trò là hạt nhân chính trị trong hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền đối với xã hội và Nhà nước không những không mâu thuẫn với bản chất của nhà nước pháp quyền nói chung mà còn là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011) đã xác định rõ một số nhiệm vụ trọng tâm đối với công tác xây dựng Đảng. Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo...

Chương 4: Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay

Để xây dựng, phát huy và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc thế hệ trẻ Việt Nam cần:

- Quán triệt tư tưởng đại đoàn kết là vấn đề sống còn của cả dân tộc.
- Không phân biệt các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, các ngành nghề trong một mặt trận dân tộc thống nhất.
- Cùng với tổ chức Đoàn thanh niên tuyên truyền tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, an ninh quốc phòng. Cương quyết chống lại những ý kiến xuyên tạc, gây mất đoàn kết trong nhân dân.
- Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua yêu nước, vận động các tầng lớp nhân dân cùng với Đảng, Nhà nước phát triển kinh tế - xã hội, hợp tác và hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế, tham gia tích cực các cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1, Bình luận phê phán – Phòng chống “Diễn biến hòa bình” – “tự diễn biến, tự chuyển hóa” - Tạp chí quốc phòng toàn dân.
- 2, V.I. Lênin toàn tập, Nhà xuất bản Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 24.
- 3, C.Mác – Ph.Ăngghen (2008), Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 4, Bùi Thị Thanh Nguyên Phó Chủ tịch UBTW MTTQ Việt Nam-Phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc.
- 5, TS.Trương Minh Tuấn – Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội theo báo Nhân dân.